

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 242/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-10-2019

V/v Tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Việt Chiến

2. Ông Trần Tiến Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng H, sinh năm 1978; Địa chỉ: xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi và anh Phạm Hồng H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, chồng ghen tuông và đánh đập tôi. Tôi đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó vì thương các con và mong muốn chồng thay đổi nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Hồng H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung là Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 24-6-2004 và Phạm Anh T, sinh ngày 05/9/2009. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Hồng H trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị L tự ý làm mọi việc mà không bàn bạc với tôi, chị L thiếu tôn trọng tôi nhưng bản thân nhận thấy mâu thuẫn không đến mức nghiêm trọng nên tôi mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi có hai con chung là Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 24-6-2004 và Phạm Anh T, sinh ngày 05/9/2009. Nếu ly hôn, con ở với ai cũng được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Hồng H đều vắng mặt tại các phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Hồng Hoa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Hồng H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Tam Kỳ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51/2003. Chị L cho rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, anh H ghen tuông và đánh đập chị. Anh H cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị L thiếu tôn trọng chồng, tự ý làm mọi việc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được Tòa án tiến

hành hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hóa giải được, vợ chồng không thể hàn gắn, chị L vẫn kiên quyết ly hôn. Trước đây, chị L cũng đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Hồng H nhưng đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được và chị L lại tiếp tục yêu cầu ly hôn. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh H có hai con chung là Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 24-6-2004 và Phạm Anh T, sinh ngày 05/9/2009. Chị L có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và anh H có ý kiến con ở với ai cũng được. Theo ý kiến và nguyện vọng của cháu Phạm Thị Thảo L là được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu Phạm Anh T được ở với ba khi ba mẹ ly hôn. Tại phiên tòa chị L đề nghị Hội đồng xét xử giao các con cho cha mẹ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Xét thấy, nguyện vọng của các cháu là chính đáng và phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cha mẹ nên giao cháu Phạm Thị Thảo L cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Anh T cho anh Phạm Hồng H nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Cả chị L và anh H đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Cả chị L và anh H đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] *Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn*: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Hồng H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Phạm Hồng H.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 24-6-2004 cho chị Nguyễn Thị L và giao Phạm Anh T, sinh ngày 05/9/2009 cho anh Phạm Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Hồng H tự lực nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001209 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02-10-2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tam Kỳ;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Ngọc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Tấn Long